

Số: **38** /KH-UBND

*Hoà Bình, ngày 27 tháng 3 năm 2018*

## **KẾ HOẠCH**

### **Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy Hòa Bình về phát triển vùng động lực kinh tế tỉnh Hòa Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030**

Căn cứ Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 03/10/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVI về phát triển vùng động lực tỉnh Hòa Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển vùng động lực kinh tế tỉnh Hòa Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, với các nội dung sau:

#### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

##### **1. Mục đích**

- Triển khai đầy đủ, kịp thời, hiệu quả và có giải pháp hợp lý để đạt được mục tiêu đã đề ra tại Đề án phát triển vùng động lực kinh tế tỉnh Hòa Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Xác định rõ các nhiệm vụ cụ thể của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc triển khai các giải pháp của Đề án.

##### **2. Yêu cầu**

- Bám sát các mục tiêu của Đề án, bảo đảm tiến độ và thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, nội dung và giải pháp được nêu tại Đề án.

- Các hoạt động của Kế hoạch phải bảo đảm tính khả thi, phát huy tối đa nguồn lực thực hiện có của các cơ quan, tổ chức có liên quan và tình hình thực tiễn của địa phương trong việc triển khai Đề án.

- Đề cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, đồng thời bảo đảm sự phối hợp có hiệu quả giữa các đơn vị trong việc triển khai Đề án.

#### **II. NỘI DUNG TRIỂN KHAI**

##### **1. Phạm vi, quy mô vùng động lực kinh tế**

Phạm vi Vùng động lực kinh tế tỉnh Hòa Bình gồm toàn bộ ranh giới của thành phố Hòa Bình, huyện Kỳ Sơn, huyện Lương Sơn và 09 xã của huyện Lạc Thủy là Thanh Nông, Phú Thành, Phú Lão, Cổ Nghĩa, Lạc Long, Yên Bồng, Đồng Tâm, thị trấn Thanh Hà và thị trấn Chi Nê (trong đó xã Phú Lão, Cổ Nghĩa, Lạc Long, Yên Bồng, Đồng Tâm và thị trấn Chi Nê là 6 xã, thị trấn được mở rộng so với Quyết định số 2193/QĐ-UBND ngày 08/11/2011 phê duyệt

phương hướng, giải pháp chủ yếu phát triển Vùng động lực tỉnh Hòa Bình đến năm 2015, định hướng đến năm 2020). Tổng diện tích toàn vùng khoảng 90.667 ha, chiếm 19,7% diện tích toàn tỉnh; có 54 xã, thị trấn chiếm 25,7% đơn vị hành chính cấp xã, với 264.298 người chiếm 32,1% dân số toàn tỉnh, trong đó có 198.224 người trong độ tuổi lao động bằng 35,7% toàn tỉnh.

## **2. Mục tiêu, định hướng**

### **2.1. Mục tiêu tổng quát**

Xây dựng vùng động lực trở thành vùng phát triển năng động, mạng lưới kết cấu hạ tầng đồng bộ, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được nâng cao; phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, có vai trò tác động lan tỏa tới các vùng khác của tỉnh; bảo đảm an sinh xã hội, ổn định chính trị, quốc phòng, an ninh.

### **2.2. Mục tiêu cụ thể**

- Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân hằng năm đạt trên 11% (cao hơn khoảng 2% so với trung bình toàn tỉnh).

- Đến năm 2020, cơ cấu kinh tế: Khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản dưới 15%, khu vực công nghiệp, dịch vụ chiếm trên 85% (công nghiệp khoảng 59%, dịch vụ trên 26%); giá trị tổng sản phẩm (GRDP) đạt 38.200 tỷ đồng, bằng trên 70% giá trị GRDP toàn tỉnh; thu ngân sách nhà nước đạt 3.300 tỷ đồng, chiếm 66% tổng thu ngân sách nhà nước toàn tỉnh; tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2020 đạt 13.300 tỷ đồng (giai đoạn 2016 – 2020 đạt 55.000 tỷ đồng), bằng 70% tổng vốn đầu tư toàn tỉnh; tỷ lệ lao động nông nghiệp chiếm dưới 50% lao động xã hội; có trên 70% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.

### **2.3. Định hướng đến năm 2030**

- Về trình độ phát triển: Kinh tế của vùng động lực có trình độ phát triển cao, khoa học công nghệ trở thành một trong những động lực chính trong phát triển kinh tế xã hội. Tốc độ tăng trưởng GRDP cao hơn trung bình toàn tỉnh từ 20% đến 30%; tỷ trọng khu vực phi nông nghiệp trong cơ cấu GRDP đạt trên 90%; nông nghiệp sinh thái, công nghệ cao là chủ đạo trong sản xuất nông nghiệp; 100% xã trong vùng đạt chuẩn nông thôn mới.

- Về kết cấu hạ tầng: Hạ tầng khu, cụm công nghiệp, hạ tầng các khu, điểm du lịch, mạng lưới kết cấu hạ tầng được xây dựng tương đối đồng bộ, các trục giao thông đối ngoại và nội vùng được hoàn thành. Hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông, mạng cấp điện, cấp nước, thoát nước và bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội.

- Về phát triển đô thị: Xây dựng đô thị hiện đại, văn minh có kiến trúc mang bản sắc các dân tộc vùng Tây Bắc. Đầu tư nâng cấp đô thị thành phố Hòa Bình đạt tiêu chuẩn thành phố loại II, khu vực thị trấn Lương Sơn lên thị xã, các

thị trấn Chi Nê, Kỳ Sơn, chợ Bến, Thanh Hà lên đô thị loại IV. Hình thành một số khu dân cư tập trung theo hướng hiện đại, có môi trường sống tốt, phù hợp với quy hoạch đóng vai trò làm vệ tinh cho các đô thị hiện có.

- Phát triển xã hội: Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; xã hội đồng thuận, an toàn; cộng đồng gắn kết, thân thiện; an ninh chính trị và an toàn xã hội được giữ vững.

## **2. Nhiệm vụ, giải pháp**

### ***2.1. Công tác quy hoạch, kế hoạch; xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách***

Tập trung rà soát quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của các huyện, thành phố và quy hoạch phát triển các ngành, trong đó tập trung vào các nội dung ưu tiên phát triển vùng động lực, cập nhập vào Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2030 được triển khai xây dựng sau khi Luật Quy hoạch có hiệu lực. Triển khai thực hiện điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của các huyện, thành phố và quy hoạch phát triển các ngành trong trường hợp thực sự cần thiết để ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội của vùng. Xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể theo từng ngành, lĩnh vực; xác định lĩnh vực ưu tiên để làm cơ sở thu hút các nguồn lực cho đầu tư phát triển; cụ thể hóa quy hoạch thành các chương trình, kế hoạch để tổ chức thực hiện.

Tập trung thực hiện cơ chế phân cấp, ủy quyền cho vùng động lực; trước mắt thực hiện thí điểm một số lĩnh vực trọng tâm như: tài chính, thuế, đầu tư, quản lý đô thị,...

Nghiên cứu, xây dựng các cơ chế chính sách ưu đãi cao hơn cho vùng động lực, như nâng mức hỗ trợ cho các khu, cụm công nghiệp, tăng tỷ lệ (%) phân chia của một số nguồn thu giữa các cấp ngân sách cho các địa phương; định mức phân bổ ngân sách chi sự nghiệp; cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi riêng mang tính đặc thù cho các dự án đầu tư và dự án nhà ở xã hội vào vùng kinh tế động lực. Có cơ chế sử dụng nguồn vượt thu dự toán ngân sách nhà nước hàng năm để tăng chi đầu tư phát triển.

Ưu tiên sử dụng quỹ phát triển đất vào mục đích đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật - xã hội phục vụ chung cho vùng kinh tế động lực đặc biệt là hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

### ***2.2. Phát triển công nghiệp***

Tập trung rà soát, lập danh mục các dự án công nghiệp khuyến khích đầu tư, dự án đầu tư có điều kiện; cương quyết không chấp nhận các dự án sử dụng lãng phí tài nguyên, có công nghệ thấp, lạc hậu, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao.

Tiếp tục thu hút đầu tư phát triển nhanh, mạnh vào các khu, cụm công nghiệp, ưu tiên các dự án có quy mô vốn đầu tư lớn, công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường. Thực hiện tốt công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để

giao đất triển khai thực hiện dự án. Huy động các nguồn vốn đầu tư hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào các khu, cụm công nghiệp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư triển khai dự án.

Ưu tiên các nguồn lực hỗ trợ thực hiện chương trình khuyến công để thúc đẩy phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề. Xây dựng cơ chế ưu đãi, hỗ trợ khuyến khích đầu tư phát triển sản xuất hàng hóa xuất khẩu.

### ***2.3. Phát triển dịch vụ***

Phát huy thế mạnh về tiềm năng du lịch tự nhiên cùng tài nguyên du lịch nhân văn; tiếp tục khai thác tốt các điểm du lịch hiện có; đồng thời xúc tiến, mời gọi đầu tư hình thành các loại hình du lịch sinh thái; kết hợp du lịch và nghỉ dưỡng; du lịch mạo hiểm; du lịch thể thao, giải trí;... Rà soát, quy hoạch các điểm du lịch, sản phẩm du lịch vùng; xây dựng các tuyến du lịch kết nối các khu, điểm du lịch vùng động lực và giữa vùng động lực với Khu du lịch quốc gia Hồ Hòa Bình, Điểm du lịch quốc gia Mai Châu và các trung tâm du lịch, vùng du lịch trọng điểm trong nước.

Thực hiện xã hội hóa thu hút các nguồn lực để đầu tư xây dựng mạng lưới chợ theo quy hoạch; tập trung rà soát, tạo quỹ đất để kêu gọi thu hút đầu tư xây dựng các trung tâm thương mại, siêu thị tại các trung tâm huyện, thành phố. Thực hiện liên kết xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư, liên kết trong nghiên cứu, phát triển thị trường và tiêu thụ sản phẩm tại thị trường trong nước và quốc tế.

Phát triển mạnh các loại hình dịch vụ vận tải, dịch vụ bưu chính viễn thông, tài chính, ngân hàng, tín dụng bảo hiểm,... Thu hút đầu tư xây dựng một trung tâm logistic cấp tỉnh trong vùng động lực với chức năng tương đối hoàn chỉnh tạo điều kiện phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa, phát triển các ngành dịch vụ khác. Nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động vận tải hàng hóa và hành khách, đảm bảo đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất và đi lại của nhân dân.

Phát triển các loại hình dịch vụ phục vụ sản xuất và cho các khu, cụm công nghiệp như tư vấn đầu tư, cung ứng vật tư, lao động, các dịch vụ thông quan... tại các khu công nghiệp, xây dựng nhà ở xã hội để cho thuê hoặc bán cho các lao động trong các khu công nghiệp.

### ***2.4. Phát triển nông nghiệp***

Tiếp tục đẩy mạnh tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Triển khai lựa chọn các loại cây trồng, vật nuôi theo thế mạnh của vùng để tập trung phát triển; đảm bảo nâng cao giá trị, phù hợp với tình hình khí hậu, thời tiết thực tế tại địa phương, đồng thời gắn với đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ từ khâu sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm. Đẩy mạnh công tác cải tạo vườn tạp thành những vườn cây có giá trị kinh tế cao.

Thực hiện xây dựng vùng sản xuất tập trung, đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật, đưa cơ giới hóa vào các khâu sản xuất; áp dụng quy trình sản xuất đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo vệ môi trường. Chú trọng công nghệ bảo quản, chế biến sau thu hoạch.

Triển khai có hiệu quả Đề án “mỗi xã một sản phẩm” và các nội dung về “tam nông”. mô hình “liên kết bốn nhà” với nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng; tạo điều kiện cho kinh tế hộ gia đình phát triển góp phần hình thành chuỗi giá trị từ sản xuất đến chế biến, tiêu dùng.

Tập trung hình thành và phát triển vùng sản xuất rau an toàn, rau bản địa theo quy trình VietGAP đảm bảo các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo cơ cấu chủng loại rau theo nhu cầu của thị trường, có cơ cấu luân canh hợp lý.

Tập trung phát triển chăn nuôi trang trại sản xuất hàng hóa, theo hướng chăn nuôi hữu cơ gắn với xử lý chất thải, bảo vệ môi trường; chủ động phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm; tăng cường cải tạo giống vật nuôi.

Tăng cường công tác trồng mới, khoanh nuôi bảo vệ rừng; tiếp tục thực hiện các biện pháp nâng cao tỷ lệ che phủ rừng.

Rà soát, hoàn chỉnh cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, trong đó có chính sách khuyến khích doanh nghiệp xây dựng các chuỗi giá trị với nông dân và tổ chức đại diện của nông dân.

Đẩy mạnh thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới; tập trung huy động nguồn lực xã hội cho mục tiêu xây dựng nông thôn mới đảm bảo thực chất và vững chắc; thực hiện lồng ghép các chương trình mục tiêu với chương trình xây dựng nông thôn mới, nhất là các xã điểm, xã có số tiêu chí xây dựng nông thôn mới đã hoàn thành ở mức cao.

### ***2.5. Phát triển kết cấu hạ tầng***

Linh hoạt trong cơ chế, chính sách thu hút các nguồn vốn để đầu tư hoàn thành kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, hạ tầng đô thị, cụm công nghiệp, hạ tầng du lịch. Tăng cường phân cấp và tỷ lệ điều tiết cho các huyện, thành phố vùng động lực một số nguồn thu tại chỗ; đồng thời, tạo quỹ đất thuận lợi, hấp dẫn để thu hút các nhà đầu tư thực hiện các dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức PPP.

Đẩy mạnh quy hoạch, phát triển các khu dân cư đô thị mới trên cơ sở huy động tối đa các nguồn lực.

Tăng cường xúc tiến, tiếp cận các nguồn vốn ODA, nguồn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài để đầu tư phát triển các đô thị, hạ tầng giao thông, điện nước và xử lý môi trường, cơ sở hạ tầng ngoài hàng rào các khu công nghiệp trong vùng động lực. Thực hiện tốt cơ chế hỗ trợ đầu tư các công trình thủy lợi, nước sinh hoạt,... thông qua chương trình xây dựng nông thôn mới.

### ***2.6. Đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực***

Phát triển nguồn nhân lực đồng bộ ở tất cả các khâu như: đào tạo, thu hút và sử dụng nhân lực. Tăng cường đầu tư các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa để từng bước nâng cao trình độ dân trí và chất lượng lao động đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn tới.

Tăng cường công tác bồi dưỡng cán bộ quản lý các doanh nghiệp. Chú trọng xây dựng nhân lực có kỹ thuật, có trình độ đáp ứng được yêu cầu sản xuất. Triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình khởi nghiệp.

Mở rộng dạy nghề bằng nhiều hình thức thích hợp; có chính sách đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp chuyển đổi sang các ngành nghề phi nông nghiệp. Xây dựng các cơ chế khuyến khích phát triển cơ sở dạy nghề, dạy nghề chất lượng cao.

Có chế độ đãi ngộ để thu hút nhân tài và lao động kỹ thuật đến công tác và làm việc lâu dài tại vùng động lực. Có chính sách hỗ trợ cho các sinh viên là người của địa phương trong vùng theo học các trường đại học và các trường nghề và hợp đồng cụ thể để sau khi tốt nghiệp về làm việc trong vùng.

### **2.7. Phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng**

Tập trung phát triển tuyến y tế cơ sở nhằm thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu và công tác y tế dự phòng. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện nâng cấp và cung cấp trang thiết bị cho bệnh viện tuyến huyện nhằm đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh. Tăng cường đầu tư các trung tâm và bệnh viện tuyến tỉnh theo hướng hiện đại, kỹ thuật cao, như: Bệnh viện Đa khoa tỉnh, Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh và một số bệnh viện chuyên khoa.

Phát triển đồng bộ các mặt chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh và chữa bệnh. Tăng cường áp dụng các phương pháp khám chữa bệnh hiện đại kết hợp y học cổ truyền, bảo đảm mọi công dân được cung cấp các dịch vụ y tế cơ bản, có điều kiện sử dụng dịch vụ y tế chất lượng cao.

Đẩy mạnh xã hội hóa y tế, khuyến khích phát triển bệnh viện ngoài công lập, phòng khám đa khoa tư nhân với các chuyên khoa có chất lượng cao tại các cụm dân cư, các địa bàn có điều kiện.

Tăng cường công tác vệ sinh an toàn thực phẩm.

### **2.8. Phát triển văn hóa - thông tin và thể dục, thể thao**

Tiếp tục xây dựng các thiết chế văn hóa, thể dục, thể thao; đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao. Chú trọng nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao quần chúng nhằm góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần và sức khỏe của nhân dân.

Chăm lo xây dựng đời sống văn hóa cơ sở gắn với đẩy mạnh và nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, xây dựng gia đình, làng, bản, xã, phường, cơ quan công sở văn hóa. Đặc biệt quan tâm, chú trọng đến công tác bảo tồn, gìn giữ và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống, giá trị văn hoá vật thể, phi vật thể của đồng bào các dân tộc thiểu số; tuyên truyền, giáo dục nhân dân trân trọng và phát huy các giá trị về văn hóa lịch sử, phong tục tập quán lành mạnh. Tăng cường công tác quản lý các lễ hội, hoạt động văn hóa, gắn kết với hoạt động du lịch.

Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động thể dục, thể thao, mở rộng và nâng cao chất lượng phong trào thể thao quần chúng; tiếp tục thực hiện phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” gắn với phong trào xây dựng nông thôn mới.

Huy động mọi nguồn lực để mở rộng và nâng cao khả năng cung cấp, phổ cập dịch vụ bưu chính, viễn thông; từng bước hiện đại hóa hạ tầng kỹ thuật thông tin và truyền thông phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước. Nâng cao chất lượng hoạt động của các đài phát thanh, truyền hình nhằm phản ánh đầy đủ kịp thời tình hình trong tỉnh, trong nước và trên mọi lĩnh vực kinh tế xã hội của tỉnh. Chú trọng đầu tư nâng cao chất lượng phương tiện, thiết bị kỹ thuật hiện đại tiên tiến và nội dung các chương trình phát thanh truyền hình.

### ***2.9. Phát triển khoa học - công nghệ và môi trường***

Đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ mới phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Có các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp cải tiến, đổi mới công nghệ nhằm nâng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của hàng hóa, sản phẩm, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa. Xây dựng và phát triển thương hiệu cho sản phẩm chủ lực của vùng. Nghiên cứu thành lập tổ chức tư vấn, hỗ trợ chuyển giao công nghệ, giúp các doanh nghiệp trên địa bàn vùng lựa chọn các công nghệ phù hợp với điều kiện của doanh nghiệp.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục ý thức bảo vệ môi trường. Thực hiện các giải pháp đồng bộ về cải thiện chất lượng môi trường, xử lý triệt để nguồn gây ô nhiễm, nhất là tại các khu, cụm công nghiệp, các lưu vực sông, cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm nặng.

Kiểm soát chặt chẽ việc đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư. Không cấp phép, triển khai các dự án không bảo đảm tiêu chuẩn môi trường, có nguy cơ gây ô nhiễm, ảnh hưởng lớn đến môi trường sinh thái. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát; đề xuất biện pháp xử lý nghiêm đối với tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp, dự án nếu vi phạm.

Nâng cao hiệu quả và đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án đầu tư thu gom, xử lý chất thải rắn, nước thải trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là hoàn thành dự án khu xử lý rác thải thành phố Hòa Bình.

## **III. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN**

### **1. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Hướng dẫn, đôn đốc các địa phương, các sở, ngành rà soát quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và quy hoạch phát triển các ngành, bảo đảm phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và phát triển vùng kinh tế động lực – thời gian thực hiện năm 2018.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố vùng động lực nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách huy động các

nguồn lực để đầu tư phát triển vùng động lực – thời gian thực hiện năm 2018 và năm 2019.

Chủ trì, phối hợp với các sở ngành rà soát, điều chỉnh phương án đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020 theo hướng ưu tiên đầu tư vào vùng động lực – thời gian thực hiện năm 2018.

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành xây dựng kế hoạch triển khai xúc tiến đầu tư và xây dựng danh mục các dự án kêu gọi đầu tư cho vùng, trong đó có các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư. Nghiên cứu cơ chế trao quyền tự chủ trước mắt cho huyện, thành phố vùng động lực trong chính sách thu hút đầu tư – thời gian thực hiện năm 2018.

## **2. Sở Tài chính**

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có liên quan, theo quy định của pháp luật: Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi tài chính công như: tỷ lệ điều tiết từ thu tiền sử dụng đất do huyện thu; bổ sung số thu điều tiết về thuế tài nguyên khoáng sản; điều chỉnh tỷ lệ điều tiết về thu tiền thuê mặt đất, mặt nước... trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Huy động các nguồn vốn khác để thực hiện các cơ chế, chính sách phát triển kinh tế vùng động lực – thời gian thực hiện hàng năm.

## **3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có liên quan: (i) Rà soát xác định các vùng sản xuất nông nghiệp ổn định, vùng ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học; (ii) đề xuất những chính sách nhằm khuyến khích tiêu thụ sản phẩm trong nông nghiệp, kết nối giữa nhà nông - doanh nghiệp và người tiêu dùng...- thời gian năm 2018

Phối hợp với các địa phương để xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai các chương trình mục tiêu phát triển rau an toàn, thủy sản, giống cây, giống con chất lượng cao – thời gian năm 2018.

## **4. Sở Công thương**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có liên quan: (i) Rà soát, thống kê hiện trạng các sản phẩm công nghiệp chủ lực của vùng, đề xuất lựa chọn ngành, lĩnh vực công nghiệp ưu tiên, khuyến khích phát triển nhằm gia tăng tính cạnh tranh và mang lại hiệu quả kinh tế tối đa cho vùng; (ii) Rà soát, điều chỉnh quy hoạch các cụm công nghiệp trên địa bàn, xây dựng cụm công nghiệp chuyên ngành để tạo điều kiện thuận lợi ứng dụng công nghệ cao – thời gian thực hiện năm 2018.

## **5. Sở Giao thông vận tải**

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có liên quan: (i) Chủ động tham mưu để thúc đẩy nhanh tiến độ các công trình hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh như: tuyến đường Hòa Lạc - thành phố Hòa Bình, đường 435 – thời gian thực hiện năm 2018; (ii) Triển khai thực hiện Đề án



cứng hóa giao thông nông thôn giai đoạn 2016 – 2020 – thời gian thực hiện hàng năm; (iii) Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông để phát huy hiệu quả nguồn vốn đã đầu tư – thời gian thực hiện hàng năm; (iv) Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Lạc Thủy, thành phố Hòa Bình nghiên cứu đề xuất phát triển các cảng cạn – thời gian thực hiện năm 2018 .

## **6. Sở Xây dựng**

Tăng cường phối hợp và hướng dẫn các địa phương trong việc triển khai rà soát, điều chỉnh và phê duyệt các quy hoạch chi tiết xây dựng trên địa bàn các trung tâm huyện, thành phố nhằm thuận lợi cho việc quản lý đô thị và thu hút đầu tư phát triển khu đô thị, khu dân cư mới – thời gian thực hiện năm 2018.

Phối hợp và hướng dẫn các địa phương trong công tác quản lý đô thị, nhằm đảm bảo quá trình đô thị hóa tại các khu đô thị đúng quy hoạch, đáp ứng yêu cầu phát triển của trung tâm thị trấn và các khu dân cư tập trung – thời gian thực hiện hàng năm.

Hướng dẫn và phối hợp với các địa phương về xây dựng kế hoạch phát triển các khu dân cư, khu đô thị mới – thời gian thực hiện hàng năm.

## **7. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh**

Chủ trì đề xuất các cơ chế phát triển các khu công nghiệp và thu hút các nhà đầu tư vào các khu công nghiệp – thời gian thực hiện năm 2018.

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện đầu tư các dự án, bảo vệ môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp – thời gian thực hiện hàng năm.

## **8. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

Chủ trì, phối hợp cùng các địa phương xây dựng hệ thống tuyến, điểm du lịch - thời gian thực hiện năm 2018; tăng cường các chương trình xúc tiến kết nối tuyến điểm du lịch vùng động lực với các thị trường trong nước và quốc tế - thời gian thực hiện hàng năm.

## **9. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội**

Xây dựng nội dung, chương trình đào tạo, dạy nghề riêng cho vùng động lực, đảm bảo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng kịp thời việc cung cấp lao động cho các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các ngành kinh tế khác cũng như xuất khẩu lao động sang các thị trường các nước có trình độ phát triển - thời gian thực hiện năm 2018.

Phối hợp cùng các huyện, thành phố, thực hiện nhiệm vụ chuyển dịch cơ cấu dân số, cơ cấu lao động tiêu chuẩn đô thị và yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa - thời gian thực hiện hàng năm.

## **10. Sở Tài nguyên và Môi trường**

Phối hợp với các huyện, thành phố thực hiện tốt công tác quản lý đất đai; hướng dẫn các huyện, thành phố chỉnh lý hồ sơ địa chính, cấp quyền sử dụng đất

khi thực hiện dồn điền, đổi thửa, tích tụ ruộng đất để phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung - thời gian thực hiện hàng năm.

Phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tăng cường quản lý, giám sát việc bảo vệ môi trường, đặc biệt là môi trường trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các khu dân cư - thời gian thực hiện hàng năm

### **11. Sở Thông tin và Truyền thông**

Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí trên địa bàn, Đài Truyền thanh, Truyền hình các huyện, thành phố xây dựng các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền triển khai thực hiện các nội dung theo kế hoạch. Tổ chức tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh - thời gian thực hiện hàng năm.

### **12. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Vùng động lực**

Phổ biến, quán triệt và tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 03/10/2017 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và các nội dung kế hoạch này - thời gian thực hiện năm 2018.

Trên cơ sở thực tiễn địa phương và theo quy định của pháp luật đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù làm cơ sở huy động, tạo nguồn lực cho phát triển hạ tầng và phát triển kinh tế vùng - thời gian thực hiện năm 2018.

### **13. Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện tốt sự phối hợp để tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện và đề xuất điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ trọng tâm, các cơ chế, chính sách để tổ chức triển khai thực hiện./.

#### **Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện thành phố;
- Hiệp hội doanh nghiệp
- Chánh, Phó VPUBND tỉnh;
- Các CV VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (M.80<sup>b</sup>).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Quang**